

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2025/KDTM-PT
Ngày: 18/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 197/2025/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án sơ thẩm số 479/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4583/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14033/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S1, địa chỉ: Số A Đường L, Phường A, (trước là Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, địa chỉ: A L, Phường A, (trước là Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 11/6/2024) – *có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T là Luật sư thuộc Công ty L, địa chỉ A Đường L, Phường A, (trước là Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh; - *có mặt*

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Villa C, King C, B N, Phường A (trước là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tuấn A – *vắng mặt*.

Người kháng cáo: Công ty TNHH S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/12/2020, nguyên đơn có ký hợp đồng thầu phụ số 20-12.01/HĐTP/CDR với bị đơn về việc nguyên đơn nhận thi công tại công trình “quán cà phê trên xe buýt số 3” tại địa chỉ số B Đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thi công là 17 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng. Giá trị của hợp đồng là 138.716.420 đồng (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng (VAT)).

Thời gian thực hiện là 17 ngày kể từ ngày giao mặt bằng, thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình cho chủ đầu tư, thời hạn thanh toán là khi có hóa đơn của nguyên đơn và xác nhận của giám sát kỹ thuật và chỉ huy trưởng của bị đơn.

Ngày 12/12/2020, bị đơn bàn giao mặt bằng cho nguyên đơn theo biên bản hiện trường ngày 12/12/2020. Ngày 13/12/2020 nguyên đơn bắt đầu tiến hành thi công. Do vậy, thời hạn bàn giao công trình sẽ là ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, bị đơn đã chậm bàn giao bồn rửa đá, hai bên có trao đổi tin nhắn qua zalo. Trong quá trình thi công thì có phát sinh thêm các hạng mục công trình với giá trị phát sinh là 10.272.000 đồng. Phần phát sinh này hai bên không ký phụ lục hợp đồng, mà nguyên đơn có thông báo cho bị đơn bằng văn bản thông qua zalo và bị đơn đã có phản hồi đồng ý làm phần phát sinh. Phần phát sinh giảm là 2.500.000 đồng so với báo giá, nguyên đơn có thông báo cho bị đơn bằng văn bản thông qua zalo và bị đơn đã có phản hồi đồng ý phần giảm này. Ngày 08/01/2021, nguyên đơn đã thực hiện xong công việc thỏa thuận và ngày 11/01/2021 nguyên đơn đã gửi văn bản yêu cầu nghiệm thu vào ngày 12/01/2021. Đúng ngày hẹn, nguyên đơn có đến công trình để chờ bị đơn nhưng bị đơn không đến để nghiệm thu công trình. Nguyên đơn đã lập biên bản nghiệm thu công trình, gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không ký nhận. Từ ngày 12/01/2021, nguyên đơn đã chấm dứt toàn bộ công việc thi công tại công trình.

Nguyên đơn gửi đề nghị thanh toán cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/3/2021, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.418.527 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 28.588.842 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2021 đến ngày 20/11/2021 với mức lãi suất là 0,1%/ngày là 1.829.685 đồng. Ngày 01/4/2021, bị đơn có chuyển trả số tiền 13.254.842 đồng là tiền thuế giá trị gia tăng của công trình cho nguyên đơn. Nguyên đơn xác nhận nguyên đơn chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền 13.179.743 đồng cho bị đơn.

Nguyên đơn xác định bị đơn là nhà thầu chính của công trình “quán cà phê trên xe buýt số 3” tại địa chỉ số B Đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Đ là chủ đầu tư “quán cà phê trên xe buýt số 3” tại địa chỉ số B Đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên khi ký hợp đồng thầu phụ với bị đơn, bị đơn không cung cấp bất cứ tài liệu nào về chủ đầu tư và nguyên đơn cũng không có hợp đồng chính của bị đơn. Nguyên đơn không biết hiện tại công trình có đang hoạt động hay không và không biết hiện ai đang quản lý sử dụng công trình này. Nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với Công ty TNHH

Đ. Nguyên đơn xác nhận các hạng mục phát sinh tăng và phát sinh giảm theo nội dung đơn phản tố của bị đơn, cụ thể: Giá trị hạng mục giảm là 5.700.000 đồng, giá trị hạng mục tăng là 8.468.000 đồng. Vì vậy, tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là $(138.716.420 + 8.468.000 - 5.700.000) = 141.484.420$ đồng. Tổng giá trị hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng: $(10\% \times 141.484.420) + 141.484.420$ đồng = 155.632.862 đồng. Bị đơn đã thanh toán 145.803.262 đồng nên còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 9.829.600 đồng. Do đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 9.829.600 đồng. Nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/4/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại đơn phản tố ngày 27/10/2021, đơn điều chỉnh đơn phản tố ngày 08/11/2021, bản khai ngày 30/12/2021 của ông Phan Thành S là người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty cổ phần C trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 09/12/2020, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng thầu phụ số 20-12.01/HĐTP/CDR. Theo hợp đồng, nguyên đơn nhận thi công tại công trình “quán cà phê trên xe buýt số 3” tại địa chỉ B Đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị của hợp đồng là 138.716.420 đồng chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Nội dung của hợp đồng đúng như nguyên đơn khai. Tuy nhiên, nguyên đơn đã chậm trễ trong quá trình thi công thực hiện hợp đồng, thi công không đạt chất lượng và cố tình không khắc phục sai sót, nguyên đơn liên tục bịa đặt và nói xấu bị đơn với chủ đầu tư. Bị đơn xác nhận so với hợp đồng thầu phụ số 20-12.01/HĐTP/CDR, giá trị phát sinh tăng là 8.468.000 đồng, giá trị phát sinh giảm là 5.700.000 đồng, VAT là 14.148.442 đồng. Tổng giá trị của hợp đồng là 155.632.862 đồng nhưng nguyên đơn lại trình bày tổng giá trị của hợp đồng là 161.137.262 đồng là không đúng. Nguyên đơn đã thi công không đạt chất lượng, không khắc phục sửa chữa theo yêu cầu của bị đơn đối với một số hạng mục theo nội dung các thông báo của bị đơn đã gửi cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn phải bàn giao công trình cho bị đơn. Bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền tương đương với các hạng mục không đạt chất lượng. Tính đến ngày 29/01/2021, bị đơn đã thanh toán 132.548.420 đồng và không còn nợ tiền nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải gửi văn bản tới chủ đầu tư xin lỗi và cải chính công khai những thông tin mà nguyên đơn xuyên tạc về bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 479/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH S1 về việc buộc Công ty Cổ phần C1 Décor trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 9.829.600 đồng (chín triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 18/4/2025 là 3.980.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH S1 về việc buộc Công ty Cổ phần C trả số tiền nợ gốc là 9.829.600 đồng (chín triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH S1 phải gửi văn bản tới chủ đầu tư xin lỗi và cải chính công khai những thông tin mà Công ty TNHH S1 xuyên tạc về Công ty cổ phần C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 05/5/2025, Công ty TNHH S1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 29/4/2024, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty TNHH S1 trình bày kháng cáo: Nguyên đơn giữ nguyên những nội dung đã trình bày và căn cứ đã nêu trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đề yêu cầu bị đơn trả số tiền thi công còn thiếu là 9.829.600 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ đơn phản tố của bị đơn thì bị đơn đã thừa nhận tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT là 155.632.826 đồng. Bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 145.803.262 đồng nên số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 9.829.600 đồng. Căn cứ thông báo số 02/TB/HDTP201201 ngày 12/01/2021, bị đơn đã đồng ý nhận bàn giao công trình mà không yêu cầu nguyên đơn phải khắc phục, sửa chữa. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận nghiệm thu công trình vì không đạt chất lượng là không có cơ sở. Yêu cầu cản trừ chi phí khắc phục của bị đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện nên bị đơn phải khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa không gửi văn bản trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung trình bày kháng cáo của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Kháng cáo của Công ty TNHH S1 là nguyên đơn còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 1 ngày 29/8/2025 và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 ngày 18/9/2025 mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Phạm vi xét xử phúc thẩm: Do Công ty TNHH S1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nên căn cứ quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của đương sự trong vụ án.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ cùng với lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định: nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thầu phụ số 20-12.01/HĐTP/CDR ngày 09/12/2020 (gọi tắt là Hợp đồng thầu phụ số 20) với nội dung nguyên đơn nhận thi công tại công trình “quán cà phê trên xe buýt số 3” tại địa chỉ B đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn, bị đơn là các chủ thể có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

[6] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về giá trị hợp đồng thầu phụ số 20 ban đầu là 138.716.420 đồng, chi phí phát sinh tăng thêm trong quá trình thực hiện là 8.468.000 đồng, chi phí phát sinh giảm là 5.700.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 14.148.442 đồng. Tổng giá trị công việc đã làm thực tế là 155.632.862 đồng, tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 145.803.262 đồng. Các bên chỉ tranh chấp phần giá trị còn lại chưa thanh toán là 9.829.260 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại, bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền còn lại theo yêu cầu của nguyên đơn với lý do nguyên đơn không đảm bảo chất lượng thi công nên bị đơn đã chủ động đơn phương chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn và giao phần sửa chữa các hạng mục không đạt chất lượng cho đơn vị khác thực hiện.

[7] Xét việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của bị đơn:

[8] Về căn cứ pháp luật: Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng được quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định; 2. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường; 3. Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện; 4. Bên bị thiệt hại do hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng của bên kia được bồi thường; 5. Trường hợp việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này thì bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan do không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng.”

[9] Về căn cứ theo hợp đồng giữa các bên: Tại mục 5 phần Bảng các điều kiện hợp đồng của Hợp đồng thầu phụ số 02 có quy định “Quyền và Trách nhiệm bên A (...) - Bên A có quyền đơn phương đình chỉ thi công hoặc giao một phần công việc của Bên B thi công không đạt chất lượng – tiến độ, vi phạm an toàn lao động. Bên A báo trước cho Bên B 03 ngày để Bên B bàn giao công việc dở dang

(...) – Có quyền không nghiệm thu, quyết toán những công việc do Bên B thực hiện không đảm bảo chất lượng (Do lỗi Bên B không tuân theo biện pháp thi công, chỉ dẫn kỹ thuật của Bên A) và khấu trừ một cách hợp lý vào giá trị thanh toán các chi phí Bên A đã bỏ ra để thay Bên B khắc phục các lỗi và vi phạm Bên B gây ra”.

[10] Chứng cứ thể hiện vào ngày 23/12/2020 bị đơn có văn bản số 01/CV/HDTP201201/CDR gửi nguyên đơn thông báo về việc nguyên đơn có vi phạm tiến độ và chất lượng thi công và yêu cầu nguyên đơn phải khắc phục; vào ngày 11/01/2021 bị đơn có văn bản số 02/TB/HDTP201201/CDR gửi nguyên đơn thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng từ ngày 12/01/2021.

[11] Như vậy về căn cứ của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do bị đơn đưa ra là phù hợp với quy định trong Hợp đồng thầu phụ số 02, nhưng việc thực hiện là có vi phạm về thời hạn thông báo không đủ 03 ngày. Đồng thời, tại cấp sơ thẩm bị đơn không trình bày và chứng minh về việc đã “khấu trừ một cách hợp lý” số tiền còn lại vào các chi phí đã bỏ ra để khắc phục các lỗi vi phạm của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định số 745/2022/QĐ-YCGNBSTLCC ngày 17/5/2022 và số 929/2022/QĐ-YCGNBSTLCC ngày 01/6/2022 yêu cầu bị đơn giao bổ sung tài liệu chứng cứ về phần công việc mà nguyên đơn chưa hoàn thành tại công trình nhưng bị đơn không thực hiện việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại yêu cầu phản tố đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý thì bị đơn có nêu yêu cầu nguyên đơn hoàn trả khoản tiền của các hạng mục mà nguyên đơn thi công không đạt chất lượng với tổng số tiền là 29.423.000 đồng nhưng cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ để chứng minh về số tiền này, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm thì yêu cầu phản tố của bị đơn cũng bị đình chỉ giải quyết do bị đơn vắng mặt.

[12] Bản án sơ thẩm đã nhận định nguyên đơn không chứng minh được đã thực hiện hoàn thành các công việc theo hợp đồng từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp bởi vì trong trường hợp này bị đơn là bên đã chủ động đơn phương chấm dứt trước khi hợp đồng hoàn thành nên áp dụng các quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng để làm căn cứ giải quyết. Áp dụng quy định của khoản 3, 4, 5 Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 về giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, bị đơn không chứng minh được việc đã bỏ ra số tiền bao nhiêu để khắc phục chất lượng công trình (do lỗi của nguyên đơn) nên không có căn cứ để căn trừ vào khoản tiền còn lại bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 9.829.260 đồng là có cơ sở. Do đó cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[13] Đối với những nội dung khác trong bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

[14] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đồng thời án phí sơ thẩm được xác định lại là Công ty Cổ phần C phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH S1. Sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S1: Buộc Công ty Cổ phần C trả cho Công ty TNHH S1 số tiền nợ gốc là 9.829.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH S1 về việc buộc Công ty Cổ phần C1 Décor trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 9.829.600 đồng tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 18/4/2025 là 3.980.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần C về việc buộc Công ty TNHH S1 phải gửi văn bản tới chủ đầu tư xin lỗi và cải chính công khai những thông tin mà Công ty TNHH S1 xuyên tạc về Công ty cổ phần C.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C phải nộp án phí kinh doanh thương mại là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Công ty TNHH S1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0089565 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0053342 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5), Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 5-TPHCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 5-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.



**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân